

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt, bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Y Ker Bkrông - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị X, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Buôn G, xã K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đỗ Thanh L; địa chỉ: P Tòa nhà V, 5 Hồ T, phường S, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị X trình bày:*

Bà X và ông Phạm Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 19/03/2003 tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2004, cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Phạm Ngọc Thanh M, sinh ngày 29/02/2016. Do mâu thuẫn phát sinh trong quá trình hôn nhân nên vợ chồng hiện đã ly thân từ lâu. Vì vậy bà X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Cháu Phạm Minh Q hiện đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Bà X đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Phạm Hoàng T1 và cháu Phạm Ngọc Thanh M cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, bà X đề nghị Tòa án buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 06/01/2026, bà X rút toàn bộ yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Quá trình khởi kiện, bà X xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 5m ngang, khoảng 35m dài, tại thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; và 01 lô rẫy diện tích khoảng 04 hec ta tại thôn A, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Đối với thửa đất tại thôn P, xã Đ, bà X đề nghị để cho các con sinh sống; đối với lô đất rẫy tại xã Q, tỉnh Lâm Đồng, bà X đề nghị chia đôi. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 19/12/2015, bà X rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản khi ly hôn.

Về nghĩa vụ tài sản: Quá trình khởi kiện, bà X xác định nợ chung của vợ chồng gồm có:

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 70.000.000 đồng.
- Nợ bà Đỗ Thị Tường V, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ, số tiền 6.614.000 đồng.
- Nợ bà Bùi Thị T2, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ, số tiền 7.424.000 đồng.
- Nợ bà Tạ Thị U, địa chỉ: buôn P, xã K, huyện L, số tiền 2.580.000 đồng.
- Nợ bà Phạm Thị L1, địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện Đ, số tiền 6.595.000 đồng.
- Nợ bà Phạm Thị M1, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ số tiền 730.000 đồng.
- Nợ bà Nguyễn Thị X1, địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện Đ số tiền 1.839.000 đồng.

Bà X đề nghị Tòa án xác định các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng và chia đôi nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 06/01/2026, bà X rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Hiện nay, bà X chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao con chung là cháu Phạm Hoàng T1 và cháu Phạm Ngọc Thanh M cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn T mặc dù đã được cấp, thông báo văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt. Tại Văn bản gửi đến Tòa án (bút lục 33), ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị X với ông Phạm Văn T. Bà Vũ Thị X được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 18/02/2010 và Phạm Ngọc Thanh M, sinh ngày 29/02/2016 cho bà Vũ Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Do bà X rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết các yêu cầu trên.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Vũ Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản khi ly hôn, giải quyết nợ chung với ông Phạm Văn T, nơi đăng ký thường trú tại buôn G, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Vũ Thị X và ông Phạm Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 19/03/2003 tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T; tại văn bản gửi đến Tòa án, ông T đồng ý ly hôn với bà X; xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện ông T và bà X đã ly thân từ khoảng năm 2023.

Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân giữa các bên không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X về việc ly hôn với ông Phạm Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà Vũ Thị X và ông Phạm Văn T có 03 con chung là Phạm Minh Q, sinh ngày 16/02/2004, cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Phạm Ngọc Thanh M, sinh ngày 29/02/2016. Hiện nay cháu Q đã đủ tuổi thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu T1 và cháu M, qua xác minh tại địa phương thì các cháu hiện nay đang sống với bà X; Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của các cháu, nguyện vọng của các cháu muốn được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, giao các con chung là cháu Phạm Hoàng T1 và cháu Phạm Ngọc Thanh M cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà X đề nghị Tòa án buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 06/01/2026, bà X rút toàn bộ yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà X.

[2.4] Về tài sản: Quá trình khởi kiện, bà X xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 5m ngang, khoảng 35m dài, tại thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; và 01 lô rẫy diện tích khoảng 04 hec ta tại thôn A, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Đối với thửa đất tại thôn P, xã Đ, bà X đề nghị để cho các con sinh sống; đối với lô đất rẫy tại xã Q, tỉnh Lâm Đồng, bà X đề nghị chia đôi. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 19/12/2015, bà X rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà X.

[2.5] Về nghĩa vụ tài sản: Quá trình khởi kiện, bà X xác định nợ chung của vợ chồng gồm có:

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 70.000.000 đồng; nợ bà Đỗ Thị Tường V số tiền 6.614.000 đồng; nợ bà Bùi Thị T2 số tiền 7.424.000 đồng; nợ bà Tạ Thị U, số tiền 2.580.000 đồng; nợ bà Phạm Thị L1, số tiền 6.595.000 đồng; nợ bà Phạm Thị M1, số tiền 730.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị X1, số tiền 1.839.000 đồng.

Bà X đề nghị Tòa án xác định các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng và chia đôi nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 06/01/2026, bà X rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về nợ chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết nghĩa vụ tài sản khi ly hôn của bà X.

[3] Về án phí, căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Vũ Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0006312 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; bà X được nhận lại 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị X được ly hôn với ông Phạm Văn T.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng T1, sinh ngày 18/02/2010 và cháu Phạm Ngọc Thanh M, sinh ngày 29/02/2016 cho bà Vũ Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

[3] Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của bà Vũ Thị X về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, giải quyết nợ chung khi ly hôn.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng (mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0006312 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; bà X được nhận lại 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 6 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Nguyên